

# KHẢO SÁT ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ĐỨC CỦA SINH VIÊN KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA ĐỨC

Trần Thị Thu Trang\*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức  
Trường Đại học Ngoại ngữ – ĐHQG Hà Nội*

Nhận bài ngày 5 tháng 6 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 8 năm 2020; Chấp nhận ngày 26 tháng 9 năm 2020

**Tóm tắt:** Động lực học ngoại ngữ là một yếu tố cần thiết cho việc học ngoại ngữ thành công. Bài viết sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, khảo sát động lực học tiếng Đức của sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội để tìm hiểu động lực học tiếng Đức và các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tiếng Đức của sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên có động lực học tập (nội động lực và ngoại động lực) tương đối tích cực. Trong đó, ngoại động lực có vai trò quan trọng hơn nội động lực. Việc xác định vai trò quan trọng của ngoại động lực giúp giáo viên và những người nghiên cứu giảng dạy tiếng Đức có giải pháp nâng cao kết quả học tiếng Đức của sinh viên.

*Từ khóa:* động lực học, nội động lực, ngoại động lực, vai trò của động lực học với việc học tiếng Đức

## 1. Đặt vấn đề

Tầm quan trọng của động lực để học thành công một ngoại ngữ đã được nhấn mạnh trong nhiều nghiên cứu về giảng dạy ngoại ngữ hay ngôn ngữ thứ hai (Gardner & Lambert, 1972; Gardner, 1985, 1989; Spolsky, 1989 và nhiều tác giả khác). Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ đều khẳng định động lực học là một trong những nhân tố quan trọng nhất góp phần quyết định vào thành công của việc học tập (Gardner, Tremblay & Masgoret, 1997; Dörnyei, 2001; Masgoret & Gardner, 2003; Lê Văn Canh, 2014; Riemer, 2015). Edmondson (1997) cho rằng, một người có động lực học tập sẽ đầu tư công sức, sử dụng mọi nguồn lực và nỗ lực cố gắng trong một thời gian dài để đạt được mục đích học tập đã đề ra.

Cho đến nay, động lực học trở thành vấn đề được quan tâm lớn của các nhà ngôn ngữ học (Dörnyei & Csizer, 2002). Hiện nay, trên

thế giới, đã có không ít công trình nghiên cứu về động lực học tiếng Đức là ngoại ngữ và là ngôn ngữ thứ hai như các nghiên cứu của Riemer (2005, 2006, 2011), Schlak và cộng sự (2002), Christian Lay (2008), Maleki (2016), Schmidt (2016), v.v. Tại Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu về động lực học ngoại ngữ. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu động lực học tiếng Đức còn rất hạn chế. Những nghiên cứu về động lực học ngoại ngữ tiếng Đức chủ yếu tập trung tìm hiểu vai trò của động lực học tập và các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học ngoại ngữ. Xuất phát từ tình hình thực tế trên, chúng tôi nhận thấy tính cấp thiết của việc tìm hiểu động lực học tập tiếng Đức của sinh viên tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức và các giải pháp để giúp sinh viên nâng cao động lực học tập của mình. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi mong muốn tìm câu trả lời cho những vấn đề sau: Thứ nhất, lý do nào mà sinh viên chọn học tiếng Đức? Thứ hai, yếu tố nào ảnh hưởng tích cực đến việc học tiếng Đức của sinh viên? Thứ ba, lý do nào làm giảm động lực học tập của sinh viên? Thứ tư, liệu

\* ĐT: 0084-83 6728551

Email: thutrang31@yahoo.com

sinh viên có biết làm thế nào để nâng cao kết quả học tiếng Đức của họ? Cuối cùng, giáo viên và nhà trường nên làm gì để thúc đẩy động lực học tập của sinh viên?

## 2. Cơ sở lý luận

Động lực học ngôn ngữ được hiểu là thái độ, khao khát và nỗ lực của người học khi học một ngoại ngữ hay một ngôn ngữ thứ hai (Gardner, 1985, tr. 10). Theo Gardner, động lực học tập bao gồm bốn yếu tố chính; đó là, mục đích, nỗ lực của cá nhân, mong muốn đạt được mục đích và thái độ của cá nhân đối với hoạt động học tập (Gardner, 1985, tr. 89).

Nghiên cứu của chúng tôi dựa trên lý thuyết về sự tự quyết<sup>1</sup> (*Self-determination theory*) của Ryan và Deci (2000). Lý thuyết về tự quyết là lý thuyết về động lực của con người được hai nhà tâm lý học người Mỹ E. Deci và R. Ryan phát triển vào giữa những năm 80 của thế kỷ trước. Trong lý thuyết này, động lực được chia thành hai loại: nội động lực (internal) và ngoại động lực (external).

Nội động lực được hiểu là mong muốn xuất phát từ bản thân người học. Nội động lực liên quan đến cảm xúc của người học như mong muốn hay quan tâm đến việc học một ngôn ngữ bởi vì họ thấy ngôn ngữ đó thú vị, bổ ích (Deci & Ryan, 1993, tr. 225). Deci và Ryan (1985) cho rằng nội động lực sẽ giúp người học có kết quả tốt bởi những mong muốn về học tập giúp họ luôn nỗ lực ý chí, khắc phục trở ngại từ bên ngoài. Trong khi đó, ngoại động lực chỉ ra những yếu tố bên ngoài chi phối người học chẳng hạn như danh tiếng, đạt điểm cao trong kì thi, có mức lương tốt hoặc tiến xa hơn trong công việc, đáp ứng mong đợi của thầy cô và cha mẹ v.v. (Deci & Ryan, 1993). Xét theo mức độ tự chủ

(Autonomie), ngoại động lực được chia nhỏ ra thành bốn nhóm:

- Ngoại động lực bị chi phối bởi tác động bên ngoài (Externale Regulation): Ở đây, các hành vi của con người được thực hiện bởi những yêu cầu bên ngoài như để đạt một phần thưởng, hay tránh bị phạt. Như vậy hành vi của con người bị ảnh hưởng chủ yếu từ môi trường bên ngoài (Deci & Ryan, 1993).
- Mức độ tự chủ tiếp theo là điều chỉnh hành vi do sức ép từ bên trong cá nhân (Introjizierte Regulation): Trong trường hợp này, các cá nhân thực hiện hành vi bởi sức ép từ bên trong mỗi cá nhân (ví dụ cá nhân sẽ cảm thấy xấu hổ nếu không làm bài tập đầy đủ trước khi đến lớp). Mức độ tự chủ của hoạt động ở đây tương đối thấp (Ryan & Deci, 2000).
- Mức độ tự chủ cao hơn là điều chỉnh do sự nhận thức của cá nhân về vai trò của hành vi (Identizierte Regulation): Cá nhân đánh giá cao hành vi mà mình đang thực hiện vì thấy nó quan trọng và thực hiện hoạt động đó một cách tự nguyện (ví dụ học sinh làm bài tập vì thấy nó giúp họ hiểu rõ hơn bài học trên lớp).
- Ngoại động lực có mức độ tự chủ cao nhất là điều chỉnh cho phù hợp với mục đích và giá trị của hành vi của cá nhân (Integrative Regulation): Ở ngoại động lực này, hành vi được thực hiện vì nó hoàn toàn phù hợp với mục đích của cá nhân (ví dụ một sinh viên muốn trở thành giáo viên sau này vì đó chính là nghề phù hợp với mong muốn và sở thích của sinh viên đó). Ở ngoại động lực này không có sự xuất hiện của tác động của ngoại cảnh bên ngoài.

Ban đầu Deci và Ryan (1985) cho rằng, tác động của những yếu tố bên ngoài như phần thưởng hoặc tránh bị phạt có thể gây ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động học tập của người học. Dựa trên các kết quả nghiên cứu sau này của mình, hai tác giả khẳng định những yếu tố bên ngoài đó cũng góp phần vào việc kích thích, tạo hứng thú và nhu cầu học tập của người học. Như

<sup>1</sup> Khái niệm lý thuyết về sự tự quyết (Self-Determination-Theory) được chúng tôi sử dụng từ bài nghiên cứu “Động cơ học tập theo lý thuyết về sự tự quyết” của TS. Bùi Thủy Hằng (2014).

vậy, cả nội động lực và ngoại động lực đều đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập; chúng bổ sung, hỗ trợ nhau để thúc đẩy hoạt động học ở người học (Deci & Ryan, 1993, tr. 225).

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu của bài viết này gồm 45 sinh viên ngành Ngôn ngữ Đức, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong đó 24 sinh viên đang học năm thứ hai (chiếm tỷ lệ 53%) và 21 sinh viên đang học năm thứ ba tiếng Đức (chiếm tỷ lệ 47%).

#### 3.2. Công cụ thu thập và phân tích dữ liệu

Phương pháp nghiên cứu mà chúng tôi sử dụng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Đây cũng là phương pháp thu thập dữ liệu thường dùng nhất trong nghiên cứu về giảng dạy ngoại ngữ. Câu hỏi nghiên cứu được xây dựng dựa trên bảng câu hỏi nghiên cứu về động lực học tiếng Đức của 66 sinh viên và học viên tại các cơ sở dạy tiếng Đức ở Bielefeld của Torsten Schlak và cộng sự (Schlak và cộng sự, 2002). Bảng câu hỏi được gửi bằng thư điện tử đến sinh viên năm thứ hai và thứ ba của Khoa.

Dữ liệu được thu thập từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2018. Các số liệu thu thập dựa trên google sheet thống kê để minh chứng cụ thể cho vai trò của nội động lực và ngoại động lực trong việc học tiếng Đức của sinh viên.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### Câu hỏi 1: Lý do học tiếng Đức của bạn là gì?

33,3% sinh viên chọn tiếng Đức do kết quả thi tuyển vào Đại học của họ chỉ đủ để học ở Khoa tiếng Đức. 26,7% sinh viên chọn học tiếng Đức là vì thích học ngoại ngữ. 11,1% sinh viên muốn nhận được học bổng trong các chương trình trao đổi của Trường và Khoa tiếng Đức với các trường đại học ở Đức. 8,9% sinh viên muốn học tiếng Đức vì muốn làm quen với văn hóa và con người Đức. 4,4% sinh viên muốn học nâng cao tiếng Đức sau khi học xong đại học. 2% sinh viên nói rằng họ học tiếng Đức là do mong muốn của bố mẹ. Có 2% sinh viên ban đầu không thích tiếng Đức nhưng trong quá trình học, họ nhận ra sự thú vị và hấp dẫn của tiếng Đức và muốn tìm hiểu nhiều hơn về ngôn ngữ, văn hóa và con người Đức. 11,6% sinh viên muốn làm việc trong các văn phòng hoặc cơ quan của Đức sau khi tốt nghiệp đại học.

Bảng 1: Lý do học tiếng Đức của sinh viên

Lý do	Tỷ lệ
1. Điểm thi đầu vào đại học chỉ đủ để học ở Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức	33,3 %
2. Tôi thích học nhiều ngoại ngữ	26,7%
3. Tôi muốn làm việc trong công ty của Đức hay trong một tổ chức phi chính phủ của Đức	11.6%
4. Tôi muốn được nhận học bổng <sup>1</sup> trong chương trình trao đổi sinh viên với các trường đại học ở Đức	11,1%
5. Vì tôi muốn làm quen với văn hóa và con người Đức	8,9%
6. Tôi muốn học nâng cao sau đại học	4,4%
7. Do bố mẹ mong muốn tôi học tiếng Đức	2%

Từ kết quả trên, có thể thấy động lực học

tập của sinh viên gồm cả nội động lực và ngoại động lực. Tuy nhiên, xét theo tỷ lệ thì nội động lực có tỉ lệ thấp hơn ngoại động lực. Tỷ lệ nội động lực là 35,6% trong đó 8,9% do quan tâm và yêu thích tiếng Đức và văn hóa Đức, 26,7%

<sup>1</sup> Hiện nay Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức có các chương trình học bổng ngắn hạn cho sinh viên trong khuôn khổ hợp tác của Khoa với các trường đại học của Đức như: Đại học Leipzig, Đại học Greifswald, Đại học ứng dụng Konstanz, v.v.

thích học nhiều ngoại ngữ. Tỷ lệ của ngoại động lực là 64,4%, trong đó số sinh viên chọn học tiếng Đức do kết quả thi tuyển đại học là 33,3%, muốn nhận học bổng đi học ở Đức là 11,1%, muốn học nâng cao tiếng Đức sau này 4,4%, bố mẹ muốn con học tiếng Đức là 2%, sinh viên muốn làm việc tại các văn phòng của Đức là 11,6%. Mặc dù 2% sinh viên ban đầu không thích học tiếng Đức, nhưng trong quá trình học họ thấy yêu thích ngôn ngữ và văn hóa Đức. Như vậy, ngoại động lực đã trở thành

nội động lực ở những sinh viên này. Xét về ngoại động lực, sinh viên học tập do các yếu tố bên ngoài tác động như học để nhận học bổng, học để làm vui lòng bố mẹ, học để sau này xin được công việc phù hợp.

**Câu hỏi 2:** *Yếu tố nào ảnh hưởng tích cực đến việc học tiếng Đức của bạn?*

Ở câu hỏi này, sinh viên nhận thức các yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến học tập của bản thân.

Bảng 2: Yếu tố ảnh hưởng tích cực đến việc học tiếng Đức

Yếu tố	Tỷ lệ %
1. Cơ hội việc làm sau khi ra trường	76%
2. Mục tiêu học tập tốt của bản thân	73,3%
3. Cơ hội được nhận học bổng ngắn hạn ở Đức	66,7%
4. Sự động viên, giúp đỡ của thầy cô trong quá trình học tập	60%
5. Kinh nghiệm học ngoại ngữ	57,7%
6. Hỗ trợ từ phía bạn bè cùng lớp	53,3%
7. Tiếp xúc và học tập với giáo viên người Đức	53,3%
8. Tham gia vào hoạt động của câu lạc bộ tiếng Đức	51%
9. Điều kiện học tập tại trường	47%
10. Tình yêu với ngôn ngữ và văn hóa Đức	44,4%

Từ bảng số liệu trên cho thấy các yếu tố bên trong (intern) và các yếu tố bên ngoài (extern) đều có ảnh hưởng tích cực đến động lực học của sinh viên. Tuy nhiên, yếu tố bên ngoài chiếm ưu thế hơn so với các yếu tố bên trong. 76% sinh viên bày tỏ sự lạc quan đối với cơ hội việc làm khi tốt nghiệp. Khi học tập tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, sinh viên có cơ hội sở hữu hai bằng đại học chính quy: bằng ngoại ngữ do ULIS cấp và một bằng khác do trường thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội cấp. Chương trình đào tạo bằng kép này giúp sinh viên chuyên ngành tiếng Đức có ưu thế trên thị trường lao động.

Bên cạnh đó, việc xác định rõ mục tiêu của bản thân trong học tập cũng góp phần

thúc đẩy việc học tập của sinh viên. 66,7% sinh viên muốn nhận được học bổng đi du học hoặc tham gia chương trình trao đổi với các trường đại học ở Đức. Sự động viên hỗ trợ từ thầy cô giáo người Việt và được tiếp xúc với thầy cô giáo là người bản ngữ cũng tác động tích cực đến việc học tiếng Đức của sinh viên. 44,4% sinh viên cho rằng niềm yêu thích ngôn ngữ Đức giúp họ học tập tốt hơn. Ngoài ra còn các lý do khác thúc đẩy sinh viên cố gắng học tập đó là muốn có điểm học tập tốt và muốn nói tiếng Đức tốt như thầy cô giáo.

**Câu hỏi 3:** *Điều gì ảnh hưởng tiêu cực đến việc học tiếng Đức của bạn?*

Bảng 3: Yếu tố ảnh hưởng tiêu cực

Yếu tố	Tỷ lệ %
1. Thiếu nỗ lực phấn đấu học tập	80%
2. Cơ hội làm việc bằng tiếng Đức còn ít	64%
3. Áp lực kiểm tra, thi cử	62%
4. Không có năng khiếu học ngoại ngữ	51%
5. Điều kiện học tập chưa tốt	30%
6. Kỳ vọng của bố mẹ vào bản thân	28%
7. Thiếu quan tâm của thầy cô	10%

Phân tích dữ liệu cho thấy, lí do tác động tiêu cực lớn nhất đến việc học tiếng Đức của sinh viên là do họ chưa thực sự nỗ lực phấn đấu trong học tập và chưa có mục tiêu học tập rõ ràng. Việc chọn học tiếng Đức của nhiều sinh viên là hoàn toàn bị động, do kết quả kì thi tuyển đại học không cho phép họ học ngôn ngữ mà họ lựa chọn ban đầu. Ví dụ, sinh viên không có kế hoạch cho việc học của bản thân mình, dẫn đến việc không có sự nỗ lực trong học tập. Cơ hội làm việc bằng tiếng Đức còn ít<sup>1</sup> và áp lực kiểm tra thi học kỳ hay thi chuẩn đầu ra cũng ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học của sinh viên. 51% sinh viên cho rằng họ không có năng khiếu học ngoại ngữ và đặc biệt là tiếng Đức. Có thể do tiếng Đức là ngôn ngữ có cấu trúc ngữ pháp và phát âm phức tạp. Đáng chú ý là 28% sinh viên cho rằng họ cảm giác bị áp lực bởi kỳ vọng của bố mẹ vào kết quả học tập của con cái. 10% sinh viên đánh giá việc quan tâm của giáo viên đến sinh viên chưa đủ nên cũng ảnh hưởng tiêu cực đến việc học tập của sinh viên.

**Câu hỏi 4:** *Bạn có biết làm thế nào để nâng cao kết quả học tiếng Đức của mình?*

<sup>1</sup> Theo một cuộc khảo sát về việc làm đối với 177 sinh viên khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức đã ra trường năm 2007 cho thấy chỉ có năm sinh viên làm việc đúng chuyên ngành tiếng Đức, số sinh viên còn lại làm việc trong các lĩnh vực khác không dùng tiếng Đức như giáo dục, du lịch, cơ quan nhà nước, v.v... (Lê Tuyết Nga, 2013, tr. 6).

Câu hỏi này liên quan đến nhận thức của sinh viên về giải pháp của bản thân để nâng cao kết quả học tập. 50% sinh viên tham gia khảo sát cho rằng kết quả học tập của họ sẽ tốt hơn nếu họ có mục tiêu và kế hoạch cụ thể cho việc học. Họ tin rằng, với một kế hoạch cụ thể cộng với sự nỗ lực và chăm chỉ, họ sẽ có kết quả tốt trong học tập để có công việc phù hợp với chuyên ngành học sau khi tốt nghiệp. Sinh viên cần chia mục tiêu thành những mục tiêu nhỏ để có thể đạt được yêu cầu đặt ra. 27 trong tổng số 45 sinh viên đánh giá cao sự chăm chỉ trong học tập sẽ giúp họ tiến bộ, qua được kỳ thi chuẩn đầu ra<sup>2</sup>. Chẳng hạn, trong lớp học, họ cần tích cực tham gia trao đổi thảo luận các vấn đề do giáo viên đặt ra, dành thời gian tự học ở nhà, học tiếng Đức thông qua âm nhạc, phim ảnh và cố gắng tiếp xúc và học hỏi từ giáo viên bản ngữ, v.v. Sinh viên nên tham khảo tài liệu trước khi đến lớp để hiểu bài giảng của giáo viên tốt hơn.

**Câu hỏi 5:** *Giáo viên và Nhà trường cần làm gì để thúc đẩy động lực học tập ở sinh viên?*

Đa số sinh viên được hỏi cho rằng, giáo viên và Nhà trường có vai trò quan trọng đối với sinh viên. Sinh viên trông chờ ở giáo viên không chỉ là người giảng dạy mà còn là người

<sup>2</sup> Kỳ thi chuẩn đầu ra thường được tổ chức bắt đầu từ học kỳ thứ 4 trở đi. Đây là kỳ thi rất quan trọng đối với sinh viên chuyên ngành ngoại ngữ nhằm sát hạch năng lực tiếng của sinh viên. Kết quả của kỳ thi chuẩn đầu ra là một điều kiện cần và đủ quyết định cho việc tốt nghiệp của sinh viên.

cố vấn, hướng dẫn, động viên, giúp đỡ sinh viên trong học tập, thi cử và cuộc sống. Do đó, sinh viên muốn có những buổi nói chuyện với giáo viên, để được giáo viên tư vấn các cơ hội nghề nghiệp, được giới thiệu các cơ hội học bổng để có hướng phấn đấu, truyền đạt lại kinh nghiệm học của giáo viên đến sinh viên.

Sinh viên cho rằng các hoạt động ngoại khóa do Nhà trường hoặc Khoa tổ chức, chẳng hạn như các buổi tư vấn nghề nghiệp, các sự kiện văn hóa liên quan đến nước Đức và các nước nói tiếng Đức – là những kênh bổ ích giúp sinh viên học hỏi và nâng cao trình độ tiếng Đức của mình. Ngoài ra, Nhà trường nên tổ chức cho sinh viên giao lưu với sinh viên các trường đại học trong và ngoài nước. Thư viện của trường cần bổ sung thêm nhiều sách văn học tiếng Đức bên cạnh các tài liệu giáo trình để sinh viên có cơ hội đọc và tìm hiểu thêm về văn hóa, văn học của Đức.

## 5. Thảo luận

Mục tiêu của nghiên cứu này là khảo sát động lực học tiếng Đức của sinh viên, những yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tiếng Đức của họ và từ đó xác định loại động lực - nội động lực hay ngoại động lực – đóng vai trò quan trọng trong việc học tiếng Đức.

Nghiên cứu của Naiman và đồng nghiệp (1978) cho rằng người thành công trong việc học một ngôn ngữ thể hiện thái độ học tích cực, có nhu cầu cái tôi cá nhân (được khen ngợi, đánh giá cao), nhu cầu có thành tích trong cuộc sống, v.v. Tương tự như nghiên cứu của Naiman và đồng nghiệp, kết quả nghiên cứu của Pintrich và Schunk (1996) cho thấy, ngoại động lực, ví dụ yếu tố phần thưởng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động học tập.

Kết quả thu được từ khảo sát động lực học tiếng Đức của sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức cũng chung kết luận với nghiên cứu của Naiman và cộng sự (1978) và Pintrich và Schunk (1996): ngoại động lực đóng vai

trò quan trọng hơn nội động lực học tiếng Đức của sinh viên ở Khoa. Dưới đây là phân tích của chúng tôi:

Từ phân tích trả lời câu hỏi 1, chúng tôi đi đến kết luận rằng, sinh viên chịu ảnh hưởng của ngoại động lực hơn là nội động lực. Tỷ lệ ngoại động lực và nội động lực xác định ở câu hỏi 1 là 64,4% và 35,6%.

Câu hỏi 2 và câu hỏi 3 giúp đánh giá chi tiết vai trò của nội động lực và ngoại động lực với kết quả học tập của sinh viên. Phân tích trả lời cho câu hỏi 2, yếu tố nào ảnh hưởng đến việc học tiếng Đức, cũng cho thấy nhiều yếu tố ngoại động lực tác động tích cực đến việc học tiếng Đức của sinh viên ví dụ như công việc, học bổng, muốn đạt điểm tốt, sự động viên, khuyến khích của thầy cô, v.v. Trả lời cho câu hỏi 3 cho thấy nhiều yếu tố ngoại động lực có tác động tiêu cực đến việc học tập của sinh viên, ví dụ, cơ hội làm việc bằng tiếng Đức còn ít, bị động trong việc chọn ngoại ngữ và áp lực thi cử, kỳ vọng của bố mẹ vào bản thân, v.v. Hai yếu tố nội động lực ảnh hưởng tiêu cực đến việc học đó là thiếu nỗ lực phấn đấu học tập và năng khiếu học ngoại ngữ. Như vậy, ngoại động lực có tác động cả tiêu cực lẫn tích cực đến kết quả học tập của sinh viên. Việc sinh viên tự nhận thức được yếu tố ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến kết quả học tập đóng vai trò quan trọng giúp họ cố gắng hơn trong quá trình học để đạt được mục tiêu đề ra (Dörnyei & Ushioda, 2011, tr. 15).

Ở câu hỏi 4: bạn có biết làm thế nào để nâng cao kết quả học tiếng Đức của mình, phân tích tài liệu cho thấy nhiều sinh viên cho rằng yếu tố bên ngoài (ngoại động lực) giúp họ nâng cao kết quả học tiếng Đức của mình. Chẳng hạn như cơ hội có việc làm tốt, nhận học bổng, sự giúp đỡ và hướng dẫn của giáo viên, việc tham gia các hoạt động ngoại khóa liên quan đến nước Đức và các nước nói tiếng Đức là những yếu tố thúc đẩy việc học tiếng Đức của sinh viên.

Trả lời cho câu hỏi 5, sinh viên đưa các đề xuất với Nhà trường nhằm hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập như tổ chức các hoạt động ngoại khóa trao đổi cho sinh viên, tư vấn nghề nghiệp, cung cấp thêm sách vở, giáo trình, tác phẩm văn học cho thư viện, v.v. Như vậy, Nhà trường với vai trò ngoại động lực cũng ảnh hưởng không nhỏ tới động lực học tiếng Đức của sinh viên.

## 6. Kết luận và đề xuất

Bài viết này chỉ ra rằng cả nội động lực và ngoại động lực đều đóng vai trò quan trọng trong việc học tập tiếng Đức của sinh viên ở Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức ở Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tuy nhiên, ngoại động lực đóng vai trò quan trọng hơn trong việc thúc đẩy sinh viên học ngôn ngữ này. Nội động lực học tiếng Đức của sinh viên được hình thành từ việc quan tâm và yêu thích ngôn ngữ và văn hóa Đức. Ngoại động lực học tiếng Đức của sinh viên được cấu thành nên từ những yếu tố bên ngoài như cơ hội có học bổng ở các trường đại học Đức, cơ hội làm việc với các doanh nghiệp Đức và nói tiếng Đức, cơ hội học sau đại học liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa Đức, việc tham gia các câu lạc bộ nói tiếng Đức, các sự kiện văn hóa về con người và văn hóa Đức, và do bố mẹ sinh viên khuyến khích, v.v. Như vậy, ngoại động lực có tác dụng thúc đẩy sinh viên học tiếng Đức để có thành quả tốt hơn và tiến xa hơn trong học tập.

Việc xác định vai trò của nội động lực và ngoại động lực trong việc học tiếng Đức giúp sinh viên và giáo viên xác định được phương hướng nâng cao chất lượng học và dạy ngôn ngữ này. Từ việc tìm ra được vai trò quan trọng của ngoại động lực trong việc học tiếng Đức của sinh viên, chúng tôi có những đề xuất sau đây để tăng cường kết quả học của sinh viên.

### 6.1. Đề xuất đối với giáo viên

Giáo viên nên truyền kinh nghiệm và cảm hứng học tiếng Đức của mình để cho sinh viên

thấy ý nghĩa của việc học tiếng Đức, xây dựng được sự hứng thú tìm hiểu và học hỏi cho sinh viên. Cụ thể, giáo viên có thể tổ chức những buổi nói chuyện về kinh nghiệm học tiếng Đức cho sinh viên. Từ những kinh nghiệm của người đi trước đã thành công trong việc học tiếng Đức sinh viên sẽ biết cách xây dựng những chiến lược học tập phù hợp cho bản thân. Từ đó, sự hứng thú và yêu thích học tiếng Đức - nội động lực - của sinh viên được hình thành và phát triển từ ngoại động lực.

Giáo viên với kinh nghiệm và mối quan hệ xã hội của mình, có cơ hội tiếp xúc với những thông tin về học bổng, việc làm, v.v. nên hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng để tìm kiếm học bổng hoặc việc làm liên quan đến chuyên ngành học. Đây là điều mà 100% sinh viên trong khảo sát này hướng tới.

Trong khảo sát, sinh viên cũng đề cập đến áp lực thi cử là một trong những yếu tố làm giảm động lực học của sinh viên. Chúng tôi cho rằng, giáo viên có thể sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng trong giờ học. Tùy tính chất môn học, thay vì tổ chức thi học kỳ, sinh viên có thể làm bài luận, làm thuyết trình trên lớp hoặc làm bài tập dự án. Những hình thức này có thể làm giảm áp lực thi cử ở sinh viên.

Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, sinh viên mong muốn giáo viên hãy là cố vấn, là bạn đồng hành của sinh viên trong hành trình học ngoại ngữ của họ!

### 6.2. Đề xuất đối với Khoa và Nhà trường

Về phía Khoa và Nhà trường, nên tìm cách kết nối lớp học của mình với các lớp học tiếng Đức ở các nước khác, chẳng hạn, có rất nhiều trường đại học ở Anh, Mỹ, Trung Quốc, v.v. đều có chương trình học tiếng Đức. Như thế, tất cả sinh viên ở Việt Nam, Mỹ, Anh hay Trung Quốc học tiếng Đức với tư cách là một ngoại ngữ có thể trao đổi thư từ, tranh ảnh, sách và chia sẻ những vấn đề và kinh nghiệm học tiếng Đức với nhau. Đây cũng là một kênh

bổ ích trong việc nâng cao động lực học tiếng Đức cho sinh viên.

Khảo sát cho thấy sinh viên tích cực học tiếng Đức khi họ tham gia các sự kiện văn hóa nói tiếng Đức, tiếp xúc với các doanh nghiệp dùng tiếng Đức, với đại diện các trường đại học Đức để tìm kiếm học bổng du học ở bậc đại học hoặc sau đại học. Do vậy, Khoa (hay Nhà trường) có thể tổ chức các sự kiện văn hóa nói tiếng Đức, mời các đại diện của các trường đại học ở Đức, hay doanh nghiệp, v.v. đến nói chuyện về cơ hội làm việc cho sinh viên sau khi tốt nghiệp, cơ hội và cách tìm học bổng cho sinh viên, v.v. sẽ là những hoạt động thiết thực nhằm nâng cao động lực học cho sinh viên.

Tổ chức cho sinh viên xem phim ảnh về nước Đức và con người Đức cũng là một kênh quan trọng giúp sinh viên học ngôn ngữ hiệu quả. Xem phim về nước Đức giúp sinh viên làm quen và tìm hiểu những đặc điểm văn hóa của nước Đức. Ngoài ra, thể thao, đặc biệt là bóng đá của Đức rất nổi tiếng và được hâm mộ không chỉ ở Việt Nam mà còn trên toàn thế giới. Đối với sinh viên thì thể thao là một kênh hữu ích giúp cho việc học tập.

### 6.3. Đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai

Bài viết này hy vọng có thể giúp ích phần nào cho giáo viên và những người nghiên cứu giảng dạy tiếng Đức trong việc nâng cao kết quả học tiếng Đức của sinh viên ở Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Vì lý do khách quan, chúng tôi mới chỉ tiến hành nghiên cứu động cơ học tiếng Đức ở 45 sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức. Kết quả nghiên cứu này mới chỉ có thể áp dụng trong việc dạy và học tiếng Đức cho sinh viên ngành ngôn ngữ Đức, chưa thể áp dụng rộng rãi trong việc dạy và học tiếng Đức trên cả nước hiện nay.

Trong tương lai, chúng tôi sẽ mở rộng đối tượng và phạm vi nghiên cứu tại các trường đại học và các cơ sở dạy tiếng Đức

tại Hà Nội và các tỉnh phía Bắc với mục đích tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt trong động lực học tập tiếng Đức là ngoại ngữ của người học. Từ đó, chúng tôi sẽ có giải pháp hữu hiệu nhằm tăng cường động lực học tiếng Đức cho sinh viên và học viên tại Việt Nam và nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy và học môn ngoại ngữ này. Thêm vào đó, nghiên cứu này mới chỉ sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Đối với những hoạt động nghiên cứu sắp tới, chúng tôi dự định sẽ kết hợp các phương pháp nghiên cứu khác như phỏng vấn giáo viên và người học, viết nhật ký cá nhân, quan sát hoạt động học, v.v. để có những kết quả thuyết phục hơn nữa phục vụ cho việc nâng cao chất lượng dạy và học ngôn ngữ Đức ở các bậc học tại Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo

#### Tiếng Việt

Bùi Thị Thúy Hằng (2014). Động cơ học tập theo lý thuyết về sự tự quyết. Truy cập lúc 12:05 ngày 22/09/2020 tại <https://123doc.net/document/1511345-ng-co-hoc-tap-theo-ly-thuyet-ve-su-tu-quyet-docx.htm>.

#### Tiếng Anh

- Deci, E. L., & Ryan, R. M. (1985). *Intrinsic Motivation and self-determination in human behavior*. New York: Plenum.
- Dörnyei, Z. (2001). New themes and approaches in second language motivation research. *Annual Review of Applied Linguistics*, 21, 43–59.
- Dörnyei, Z., & Csizer, K. (2002). Some dynamics of language attitudes and motivations: Results of a longitudinal nationwide survey. *Applied Linguistics*, 23(4), 421–462.
- Dörnyei, Z., & Ushioda, E. (2011). *Teaching and Researching Motivation. Second Edition*. Harlow: Pearson Education Limited.
- Gardner, R. C., & Lambert W. E. (1972). *Attitudes and Motivation in Second Language Learning*. Massachusetts: Newbury House Publishers.
- Gardner, R. C. (1985). *Social Psychology and Second Language Learning. The Role of Attitudes and Motivation*. London: Arnold.
- Gardner, R. C., Tremblay, F. P., & Masgoret, A. M. (1997). Towards a full Model of Second Language Learning: An Empirical Investigation. *The Modern Language Journal*, 81(3), 344–362.

- Lê Văn Canh (2014). Motivation as a language learning condition re-examined: Stories of successful Vietnamese EFL students (book chapter). In K. Sung & B. Spolsky (Eds.), *Conditions for English language teaching and learning in Asia* (pp. 17-35). Newcastle upon the Tyne, UK: Cambridge Scholars Publishing.
- Masgoret, A. M., & Gardner, R. C. (2003). Attitudes Motivation, and Second Language Learning: A Meta-Analysis of Studies Conducted by Gardner and Associates. *Language Learning*, 53(1), 167-21.
- Naiman, N., Frohlich, M., Stern, H.H., & Todesco, A. (1978). *The Good Language Learner*. Toronto, Ontario: Ontario Institute for Studies in Education.
- Pintrich, R. P., & Schunk, H. D. (1996). *Motivation in Education: Theory, research, and application*. Englewood Cliffs, NJ, Prentice Hall.
- Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Self - Determination Theory and the Facilitation of Intrinsic Motivation, Social Development and Well-being. *American Psychologist*, 55(1), 68-78.
- Spolsky, B. (1989). *Condition for the second language learning. Introduction to a general theory*. Oxford University Press.
- ihre Bedeutung für die Pädagogik. *Zeitschrift für Pädagogik*, 39(2), 223–238.
- Edmondson, W.J. (1997). Sprachlernbewußtheit und Motivation beim Fremdsprachenlernen. *Fremdsprachen Lehren und Lernen* 26, 88-110.
- Lê Tuyết Nga (2013). Germanistik in Vietnam. In Pratomo Widodo (Hrsg.): *Interkulturelle Fragen in Forschung und Lehre in der indonesischen Germanistik*. Indonesischer Germanistenverband (IGV), 1-9.
- Riemer, C. (2004). Zur Relevanz qualitativer Daten in der neueren L2-Motivationsforschung. In Börner, W., & Vogel, K. (Hrsg.): *Emotion und Kognition im Fremdsprachenunterricht*. Tübingen: Gunter Narr, 35–65.
- Riemer, C. (2015). Das war doch mal was - Lernerorientierung! Wissen wir bereits über die Lernenden und Lehrenden? In Sabine H., & Antje S. (Hrsg.): *Lernerorientierte Fremdsprachenforschung und -didaktik. Festschrift für Frank G. Königs zum 60. Geburtstag*. Tübingen: Narr.
- Schlak, T./ Banze, K. u.a (2002). Die Motivation von DaF-Lernenden an Sprachlehrinstitutionen im Bielefelder Raum: Projektbeschreibung und erste Ergebnisse. In *Zeitschrift für Interkulturellen Fremdsprachenunterricht* 7(2), 2-23.

### Tiếng Đức

- Deci, Edward L., & Ryan, Richard M. (1993). Die Selbstbestimmungstheorie der Motivation und

## AN INVESTIGATION INTO STUDENT'S MOTIVATION TO LEARN GERMAN AT THE DEPARTMENT OF GERMAN LANGUAGE AND CULTURE, ULIS, VNU

Tran Thi Thu Trang

*Faculty of German Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies, Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Motivation is a key factor for the success of learners of a foreign language. Through a questionnaire survey, this paper investigates the motivation of Vietnamese students at the Department of German Language and Culture, University of Languages and International Studies (ULIS), VNU in their German learning and the influences that impact on their motivation. This study shows that students are highly motivated to learn German. It is also shown that, extrinsic motivation is stronger and more important than intrinsic motivation to the students. Identifying the important role of extrinsic motivation to the students would facilitate teachers and researchers who do research on teaching German to figure out ways to improve the students' learning outcomes.

*Keywords:* motivation, intrinsic and extrinsic motivation, the role of motivation